

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

### QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực: Trồng trọt; Chăn nuôi; Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP của Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1163/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 1649/QĐ-BNNMT ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 17/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 707/QĐ-SNNMT ngày 27 tháng 5 năm 2026 và Tờ trình số 710/TTr-SNNMT ngày 27 tháng 5 năm 2026.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 03 thủ tục hành chính ban hành mới; 19 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 02 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực: Trồng trọt; Chăn nuôi; Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Quyết định số 1163/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 4 năm 2026, Quyết định số 1649/QĐ-BNNMT ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

**Điều 2.** Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2026 và Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2026; Quyết định số 2033/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính trong các lĩnh vực: Trồng trọt; Chăn nuôi; Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

**Điều 3.** Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trình phê duyệt quy trình nội bộ, thiết lập quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật, tích hợp việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với các thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Gia Lai;
- Lưu: VT, NNMT, PVHCC<sup>(KSTT)</sup>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lâm Hải Giang**

**DANH MỤC 03 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI; 19 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG;  
02 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC: CHĂN NUÔI, THÚ Y, TRỒNG TRỌT THUỘC PHẠM VI  
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Quyết định số:           /QĐ-UBND ngày    tháng    năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI (03 TTHC)**

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC								
<b>Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường</b>									
<b>I. LĨNH VỰC THÚ Y (01 TTHC)</b>									
1	Cấp, điều chỉnh, cấp lại Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất  <b>1.011325.H21</b>	05 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Toàn trình	<b>1. Mức thu:</b> Phí kiểm tra và cấp giấy chứng nhận đơn hàng nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản (trừ các đơn hàng nhập khẩu để làm mẫu nghiên cứu, khảo nghiệm, kiểm nghiệm, phi mậu dịch): 2.000.000 đồng/01 đơn hàng.	- Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2020/TT-BNNPTNT ngày 09/11/2020 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	Cấp tỉnh	X

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC								
						<b>2. Thời điểm thu phí:</b> tại thời điểm trả kết quả	- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		
<b>II. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI (02 TTHC)</b>									
2	Cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi có chứa chất mới để khảo nghiệm, nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm, làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm hoặc sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu <b>1.011033.H21</b>	- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: + Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn 01 ngày làm việc. - Thẩm định nội dung hồ sơ: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Toàn trình	-	- Luật Chăn nuôi. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	Cấp tỉnh	x
3	Công nhận kết	- Kiểm tra tính	- Trực tiếp	Có	Một	-	- Luật Chăn nuôi.	Cấp	x

STT	Tên TTTC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTTC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTTC liên thông	TTTC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTTC								
	<p>quả khảo nghiệm sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi</p> <p><b>1.011030.H21</b></p>	<p>đầy đủ của hồ sơ:</p> <p>+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn 01 ngày làm việc.</p> <p>- Thành lập Hội đồng đánh giá kết quả khảo nghiệm: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>- Xem xét, ban hành Quyết định công nhận sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi có chứa chất mới đã</p>	<p>hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.</p> <p>- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.</p>		phần		<p>- Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;</p> <p>- Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ</p> <p>- Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.</p>	tỉnh	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC								
		<p>qua khảo nghiệm: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng thẩm định.</p> <p>- Thông báo công khai Quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm trên Cổng thông tin điện tử của Cục Chăn nuôi: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm.</p>							
<b>Tổng cộng (I) +(II): 03 TTHC</b>									

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (13 TTHC)

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
<b>Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường</b>										
<b>I. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI (04 TTHC)</b>										
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi  <b>1.011031.H21</b>	- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: + Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn 01 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ, tổ chức đánh giá thực tế: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Công Dịch vụ công gia hoặc ứng dụng định danh quốc	Tiếp nhận và trả kết quả	Một phần	- Trình tự thực hiện; - Thời gian giải quyết hồ sơ; - Căn cứ pháp lý	-	- Luật Chăn nuôi. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ - Nghị quyết số	-	X

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
		- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá thực tế đối với trường hợp cơ sở đáp ứng điều kiện; trường hợp không cấp thì phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.	gia.					17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ. - Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.		
2	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với trại quy mô lớn  <b>1.008128.H21</b>	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Tiếp nhận và trả kết quả	Một phần	- Trình tự thực hiện; - Thời gian giải quyết hồ sơ; - Căn cứ pháp lý	<b>1. Mức thu phí áp dụng</b> theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài	- Luật Chăn nuôi. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;	-	x

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
		<p>chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng:</p> <p>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc.</p> <p>+ Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.</p>	<p>hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.</p> <p>- Trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng danh quốc gia.</p>				<p>chính, cụ thể:</p> <p>- <b>Thẩm định để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn:</b></p> <p>+ Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 1.150.000 đồng/01 cơ sở/lần.</p> <p>+ Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, Phí: 2.300.000 đồng/01 cơ sở/lần.</p> <p>- <b>Thẩm định đánh giá</b></p>	<p>- Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;</p>		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
							<i>giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn:</i> + Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 750.000 đồng/01 cơ sở/lần. + Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, Phí: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần. <b>2. Thời điểm thu phí, lệ phí:</b> tại thời điểm trả kết quả			
3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện	<i>a) Đối với cơ sở sản xuất thức ăn</i>	- Trực tiếp hoặc qua	Tiếp nhận	Một phần	- Trình tự thực hiện;	<b>1. Mức thu phí áp dụng</b>	- Luật Chăn nuôi. - Luật số	-	x

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
	<p>sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu)</p> <p><b>1.008126.H21</b></p>	<p><b><i>hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung:</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp:</li> <li>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ:</li> <li>Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.</li> <li>+ Thẩm định hồ sơ và thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đạt yêu cầu.</li> <li>+ Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất</li> </ul>	<p>đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.</li> </ul>	<p>và trả kết quả</p>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian giải quyết hồ sơ;</li> <li>- Căn cứ pháp lý</li> </ul>	<p>theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b><i>Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp phải đánh giá điều kiện thực tế):</i></b></li> <li>+ Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 2.850.000</li> </ul>	<p>146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC</li> </ul>		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
		<p>thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá điều kiện thực tế.</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng:</p> <p>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc.</p> <p>+ Thẩm định hồ sơ và thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ</p>					<p>đồng/01 cơ sở/lần.</p> <p>+ Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, Phí: 5.700.000 đồng/01 cơ sở/lần.</p> <p><b>- <i>Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế):</i></b></p> <p>+ Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 800.000 đồng/01 cơ</p>	<p>ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;</p>		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
		<p>đạt yêu cầu.</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá điều kiện thực tế.</p> <p><b><i>b) Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng:</i></b></p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp:</p> <p>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>+ Thẩm định hồ</p>					<p>sở/lần.</p> <p>+ Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, Phí: 1.600.000 đồng/01 cơ sở/lần.</p> <p><b><i>- Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi:</i></b></p> <p>+ Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 750.000 đồng/01 cơ sở/lần.</p> <p>+ Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, Phí: 1.500.000</p>			

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
		<p>sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đạt yêu cầu.</p> <p>+ Trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu phải đánh giá điều kiện thực tế để cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Thẩm định hồ sơ và thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời</p>					<p>đồng/01 cơ sở/lần.</p> <p><b>2. Thời điểm thu phí, lệ phí:</b> tại thời điểm trả kết quả</p>			





STT	Tên TTTC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTTC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTTC liên thông	TTTC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTTC									
		đạt yêu cầu. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá điều kiện thực tế.								
4	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Công thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường  <b>1.008122.H21</b>	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp nộp	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Công Dịch	Tiếp nhận và trả kết quả	Một phần	- Trình tự thực hiện; - Thời gian giải quyết hồ sơ; - Căn cứ pháp lý	<b>1. Mức thu phí</b> thẩm định áp dụng theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính, cụ thể: <b>Phí thẩm định cấp giấy phép nhập khẩu thức</b>	- Luật Chăn nuôi. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;	-	X

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
		<p>hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng;</p> <p>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc.</p> <p>+ Thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.</p>				<p><i>chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nuôi thích nghi, khảo nghiệm, mẫu phân tích, sản xuất gia công nhằm mục đích xuất khẩu:</i></p> <p>+ Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết</p>	<p>- Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;</p> <p>- Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.</p>		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
							31/12/2026, Phí: 175.000 đồng/01 sản phẩm/mục đích/lần; + Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, Phí: 350.000 đồng/01 sản phẩm/mục đích/lần <b>2. Thời điểm thu phí, lệ phí:</b> tại thời điểm trả kết quả			
<b>II. LĨNH VỰC THÚ Y (09 TTHC)</b>										
5	Cấp Chứng chỉ hành nghề thú y <b>1.004756.H21</b>	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính	Tiếp nhận và trả kết quả	Một phần	- Trình tự thực hiện; - Thời gian giải quyết hồ sơ; - Căn cứ	<b>1. Mức thu:</b> Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ thú y + 50.000 đồng/lần	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số	-	x

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
			<p>công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.</p> <p>- Trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.</p>			pháp lý	<p>(theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y)</p> <p>+ 25.000 đồng/lần (áp dụng từ kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026 theo quy</p>	<p>điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;</p> <p>- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ;</p> <p>- Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;</p>		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
							định tại Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính.) <b>2. Thời điểm thu phí, lệ phí:</b> tại thời điểm trả kết quả			
6	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)  <b>1.002549.H21</b>	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.	Tiếp nhận và trả kết quả	Một phần	- Trình tự thực hiện; - Thời gian giải quyết hồ sơ; - Căn cứ pháp lý	<b>1. Mức thu:</b> Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản (theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP	-	x

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
			- Trực tuyến tại Công vụ quốc gia hoặc ứng dụng danh gia.				23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y): Kiểm tra điều kiện sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: - Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền	ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ; - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ; - Quyết định số 1426/QĐ-UBND		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
							(hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần. - Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần. - Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần. <b>2. Thời điểm thu phí, lệ phí:</b> tại thời điểm	ngày 14/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
							trả kết quả			
7	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)  <b>1.014777.H21</b>	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Tiếp nhận và trả kết quả	Một phần	- Trình tự thực hiện; - Thời gian giải quyết hồ sơ; - Căn cứ pháp lý	<b>1. Mức thu:</b> Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản (theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y): Kiểm tra	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ;	-	X

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
							<p>điều kiện sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng);</li> <li>Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên:</li> </ul> <p>1.025.000 đồng/lần.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;</li> </ul>		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
							<p>lên: 1.300.000 đồng/lần. - Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.</p> <p><b>2. Thời điểm thu phí, lệ phí:</b> tại thời điểm trả kết quả</p>			
8	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	<p>- Trường hợp cấp mới: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp cơ sở đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y</p>	<p>- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ</p>	<p>Tiếp nhận và trả kết quả</p>	<p>Một phần</p>	<p>- Trình tự thực hiện; - Thời gian giải quyết hồ sơ; - Thành phần hồ sơ; - Căn cứ</p>	<p><b>1. Mức thu:</b> Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản (theo quy định tại</p>	<p>- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi</p>	-	X

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
	<b>1.013809.H21</b>	theo quy định của pháp luật về thú y hiện hành, khi có nhu cầu sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất cùng trên dây chuyền sản xuất thuốc thú y đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Công Dịch vụ công gia hoặc ứng dụng danh quốc gia.			pháp lý	<i>Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y):</i> Kiểm tra điều kiện sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: - Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở	trường; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ; - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
							<p>đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần.</p> <p>- Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần.</p> <p>- Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.</p> <p><b>2. Thời</b></p>	<p>Bộ Tài chính;</p> <p>- Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;</p> <p>- Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.</p>		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
							<b>điểm thu phí, lệ phí:</b> tại thời điểm trả kết quả			
9	Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)  <b>1.013813.H21</b>	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc	Tiếp nhận và trả kết quả	Một phần	- Trình tự thực hiện; - Thời gian giải quyết hồ sơ; - Căn cứ pháp lý	<b>1. Mức thu:</b> Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản (theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 105/2021/NĐ-CP	-	x

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
			gia.				<p><i>công tác thú y</i>):            Kiểm tra điều kiện sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản:            - Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng);            Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên:            1.025.000 đồng/lần.            - Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây</p>	<p>ngày 04/12/2021 của Chính phủ            - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ;            - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;            - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;            - Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;            - Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.</p>		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
							chuyên (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần. - Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần. <b>2. Thời điểm thu phí, lệ phí:</b> tại thời điểm trả kết quả			
10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y  <b>1.002409.H21</b>	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính	Tiếp nhận và trả kết quả	Một phần	- Trình tự thực hiện; - Thời gian giải quyết hồ sơ; - Thành	<b>1. Mức thu:</b> Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực nông	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số	-	x

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
			<p>công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.</p> <p>- Trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.</p>			<p>phần hồ sơ;</p> <p>- Căn cứ pháp lý</p>	<p>nghiệp, thủy sản (theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính):</p> <p>Kiểm tra điều kiện nhập khẩu thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 450.000 đồng/lần.</p> <p><b>2. Thời điểm thu phí, lệ phí:</b> tại thời điểm trả kết quả)</p>	<p>điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;</p> <p>- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ;</p> <p>- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài</p>		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
								chính; - Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ; - Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.		
11	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y <b>1.014778.H21</b>	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại	Tiếp nhận và trả kết quả	Một phần	- Trình tự thực hiện; - Thời gian giải quyết hồ sơ; - Thành phần hồ sơ; - Căn cứ pháp lý	<b>1. Mức thu:</b> Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản (theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ;	-	x

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
			Công vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.				<p><i>chính</i>): Kiểm tra điều kiện nhập khẩu thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 450.000 đồng/lần.</p> <p><b>2. Thời điểm thu phí, lệ phí:</b> tại thời điểm trả kết quả)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;</li> </ul>		
12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu	Tiếp nhận và trả	Một phần	- Trình tự thực hiện; - Thời	<b>1. Mức thu:</b> Phí thẩm định kinh	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc	-	x

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
	thú y  <b>1.001686.H21</b>		điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	kết quả		gian giải quyết hồ sơ; - Thành phần hồ sơ; - Căn cứ pháp lý	doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản (theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính): Kiểm tra điều kiện cơ sở buôn bán thuốc thú y, thủy sản: 230.000/lần <b>2. Thời điểm thu phí, lệ phí:</b> tại thời điểm trả kết quả)	hội; - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ; - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
								- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;		
13	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y  <b>1.014779.H21</b>	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Công Dịch	Tiếp nhận và trả kết quả	Một phần	- Trình tự thực hiện; - Thời gian giải quyết hồ sơ; - Thành phần hồ sơ; - Căn cứ pháp lý	<b>1. Mức thu:</b> Kiểm tra điều kiện cơ sở buôn bán thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 230.000/lần <b>2. Thời điểm thu phí, lệ phí:</b> tại thời điểm trả kết quả)	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ; - Nghị định số	-	X

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
			vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định quốc gia.					123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ; - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;		
<b>Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 1163/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường</b>										
<b>LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT (06 TTHC)</b>										
14	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu	Tiếp nhận	Toàn trình	- Trình tự thực hiện; - Thành	-	- Khoản 3 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005	Cấp tỉnh	x

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
	trồng <b>1.012001.H21</b>	lệ.	điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	và trả kết quả		phần hồ sơ; - Thời gian giải quyết; - Kết quả thực hiện TTHC; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý		(được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12; Luật số 07/2022/QH15). - Điều 112 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ. - Điều 43 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.		
15	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng <b>1.012002.H21</b>	- <b>Quyết định cấp lại Thẻ giám định viên:</b> 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ	Tiếp nhận và trả kết quả	Toàn trình	- Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Thời	-	- Điều 112 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ. - Điều 43, Điều 45	Cấp tỉnh	x

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
		lệ. - Trường hợp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng bị lỗi do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gây ra: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của người được cấp Thẻ.	hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.			gian giải quyết; - Kết quả thực hiện TTHC; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý		Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.		
16	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân <b>1.011999.H21</b>	Kể từ ngày nhận được yêu cầu thu hồi đến khi người được cấp Thẻ có ý kiến: 13 ngày làm việc.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Tiếp nhận và trả kết quả	Toàn trình	- Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Thời gian giải quyết;	-	- Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12; Luật số 07/2022/QH15)	Cấp tỉnh	x

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
			hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.			- Kết quả thực hiện TTHC; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý		- Điều 112 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ; - Điều 43, Điều 45 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.		
17	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng <b>1.012003.H21</b>	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính	Tiếp nhận và trả kết quả	Toàn trình	- Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Thời gian giải quyết; - Kết quả thực hiện TTHC;	-	- Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12; Luật số 07/2022/QH15) - Điều 113 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP	Cấp tỉnh	x

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
			<p>công xã, phường.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.</li> </ul>			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;</li> <li>- Căn cứ pháp lý</li> </ul>		<p>ngày 23/8/2023 của Chính phủ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 43, Điều 45 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.</li> </ul>		
18	<p>Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng</p> <p><b>1.012004.H21</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Quyết định Cấp lại Giấy chứng nhận</b> tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- <b>Trường hợp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền</b></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.</li> <li>- Trực</li> </ul>	<p>Tiếp nhận và trả kết quả</p>	<p>Toàn trình</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình tự thực hiện;</li> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> <li>- Thời gian giải quyết;</li> <li>- Kết quả thực hiện TTHC;</li> <li>- Mẫu đơn, mẫu tờ khai;</li> </ul>	-	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 113 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ;</li> <li>- Điều 43, Điều 45 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.</li> </ul>	<p>Cấp tỉnh</p>	<p>x</p>

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
		<b>đối với giống cây trồng bị lỗi</b> do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.	tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.			- Căn cứ pháp lý				
19	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân <b>1.012000.H21</b>	Kể từ ngày nhận được yêu cầu thu hồi đến khi tổ chức được cấp Giấy chứng nhận có ý kiến: 13 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.	Tiếp nhận và trả kết quả	Toàn trình	- Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Thời gian giải quyết; - Kết quả thực hiện TTHC; - Mẫu đơn, mẫu	-	- Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12; Luật số 07/2022/QH15) - Điều 113 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ;	Cấp tỉnh	x

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
			- Trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng danh quốc gia.			tờ khai; - Căn cứ pháp lý		- Điều 43, Điều 45 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.		
<b>Tổng cộng: 19 TTHC</b>										

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (02 TTHC)

STT	Tên TTHC	Mức độ DVC trực tuyến	Cấp thực hiện	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
	Mã TTHC				
<b>I. Thủ tục hành chính bị bãi bỏ tại Quyết định số 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường</b>					
<b>Lĩnh vực Chăn nuôi</b>					
1	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi  <b>1.011032.H21</b>	Toàn trình	Cấp tỉnh	Phụ lục XIV, Nghị quyết số 17/2026/NQ CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	Quyết định số 2033/QĐ-UBND ngày 11/5/2026
<b>II. Thủ tục hành chính bị bãi bỏ tại Quyết định số 1163/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường</b>					
<b>Lĩnh vực Trồng trọt</b>					

STT	Tên TTHC	Mức độ DVC trực tuyến	Cấp thực hiện	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
	Mã TTHC				
1	Đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng  <b>1.011998.H21</b>	Một phần	Cấp tỉnh	Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ	Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 13/02/2026
<b>Tổng cộng: 02 TTHC</b>					